

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH T**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 60/2023/HS-ST
Ngày 30- 6- 2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH T

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Sâm- Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: UBND thị trấn K, huyện K, tỉnh T

+ Ông Hà Mạnh Linh- Nghề nghiệp: Bí thư đoàn thanh niên

Nơi công tác: Đoàn thanh niên thị trấn K, huyện K, tỉnh T.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Tuấn Linh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Quỳnh Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh T. Toà án nhân dân huyện K đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 60/2023/HSST ngày 19 tháng 6 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2023/QĐXXST- HS ngày 19 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

N A T H, (Tên gọi khác: không), sinh ngày 23/7/2003, tại huyện K, tỉnh T; Nơi cư trú và chỗ ở hiện nay: khu H, xã X, huyện K, tỉnh T; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 09/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Công giáo; Bố đẻ N V H, sinh năm 1980 và mẹ đẻ N T B, sinh năm 1983; Bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 17/01/2023. Bị cáo tại ngoại tại xã X, huyện K, tỉnh T (có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Chị N T B, sinh ngày 13/10/2008

Địa chỉ: khu 8, xã L, huyện H, tỉnh T (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

Người đại diện theo pháp luật cho chị B:

- Bà L T T, sinh năm 1991 (*Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt*)

- Ông N N C, sinh năm 1989

Đều có địa chỉ: khu 8, xã L, huyện H, tỉnh T (*Có mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại B: Bà Bùi Thu Hà- Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh T (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

*** Người có quyền lợi liên quan đến vụ án:** Bà N T B, sinh năm 1983

Địa chỉ: khu H, xã X, xã X, huyện K, tỉnh T (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 8 giờ 30 phút ngày 13/01/2023, chị L T T, sinh năm 1991 ở khu 8, xã L, huyện H, tỉnh T cùng cháu N T B, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2008 (là con gái chị T) đến Công an huyện K trình báo về việc N A T H, sinh ngày 23 tháng 7 năm 2003, nơi ĐKHKT: Khu H, xã X, huyện K, tỉnh T có hành vi quan hệ tình dục với cháu N T B 01 lần vào khoảng tháng 2/2022 tại nhà nghỉ H thuộc xã K, huyện K, đồng thời chị T tự nguyện giao nộp 01 giấy khai sinh mang tên N T B, 01 quyết định công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự số 35/2018/QĐST-HNGĐ ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hạ Hòa.

Tại Cơ quan điều tra, cháu B khai nhận: Khoảng đầu tháng 12/2021, cháu B quen biết N A T H (Hải lái máy xúc công trình xây dựng tại khu 8, xã L, huyện Hạ Hòa, tỉnh T). Sau đó, cháu B và H nảy sinh tình cảm yêu đương. Đến khoảng tháng 02/2022 (cháu B không nhớ cụ thể ngày nào), cháu B đi cùng chị L T H, sinh năm 1994 ở khu 8, xã L, huyện K đi xuống huyện K chơi. Khi đến đoạn đường thuộc khu Công nghiệp thị trấn K, huyện K, cháu B bảo chị H cho xuống xe và cháu B gọi điện cho H đến đón. Sau đó, H điều khiển xe mô tô đón cháu B rồi chở cháu B đến nhà nghỉ H thuộc khu Xóm Đông, xã K, huyện K. Tại đây, H thuê 01 phòng nghỉ ở tầng 2 của nhà nghỉ để cả hai cùng vào nghỉ. Khi vào phòng, H cùng cháu B nằm lên giường nói chuyện được khoảng 10 (mười) phút thì H đã tự cởi quần áo của bản thân và quần áo của cháu B. H dùng tay sờ vào ngực và bộ phận sinh dục của cháu B rồi đưa dương vật đã cương cứng của mình vào âm đạo của cháu B để giao cấu với cháu B. Sau khi quan hệ được khoảng 10 phút, H xuất tinh ra giường của nhà nghỉ. Sau đó, cả hai mặc quần áo và đi về.

Đến 14 giờ ngày 13/01/2023, N A T H đến Công an huyện K đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cháu B đã khai, đồng thời H tự khai nhận ngoài hành vi giao cấu với cháu B như đã nêu trên, H còn 04 (bốn) lần giao cấu với cháu B, cụ thể:

Lần thứ nhất: Do H và B có quan hệ yêu đương nên vào khoảng 19 giờ một ngày đầu tháng 12/2021, H nhắn tin cho cháu B và rủ cháu B đến công trường tại khu 8, xã L, huyện H nơi H làm việc để chơi, cháu B đồng ý. Khi cháu B đến, H đưa cháu B lên ca bin máy xúc. Cả hai ngồi nói chuyện được khoảng 05 (năm) phút sau, H dùng tay xoa vào ngực và bộ phận sinh dục của cháu B, thấy cháu B không có phản ứng gì nên H tự cởi quần áo của bản thân và quần áo của cháu B rồi đưa dương vật đã cương cứng của mình vào âm đạo của cháu B để giao cấu với cháu B. Quan hệ được khoảng 10 (mười) phút, H rút dương vật ra khỏi âm đạo của cháu B và xuất tinh ra ghế của ca bin máy xúc. Sau khi quan hệ tình dục xong, H và cháu B mặc quần áo rồi cháu B đi về nhà.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 01 (một) tuần, H đến nhà cháu B ở khu 8, xã L, huyện H chơi. Lúc này, chỉ có một mình cháu B ở nhà, H cùng cháu B đi vào phòng ngủ của cháu B chơi. Sau đó, H và cháu B nằm lên giường nói chuyện được khoảng 05 phút thì H tự cởi quần áo của bản thân, dùng tay sờ vào bộ phận sinh dục của cháu B rồi H cởi quần áo của cháu B và đưa dương vật đã cương cứng của mình vào âm đạo của cháu B để giao cấu với cháu B. Quan hệ được khoảng 10 phút, H rút dương vật ra khỏi âm đạo của cháu B xuất tinh ra giường rồi cả hai mặc quần áo và H đi về công trường.

Lần thứ ba: Vào tối ngày 24/12/2021, H điều khiển xe mô tô chở cháu B từ nhà cháu B ở khu 8, xã L, huyện Hạ Hòa đến xã X, huyện K chơi. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H đưa cháu B về nhà H tại khu H, xã X, huyện K. Khi về đến nhà, do bố mẹ H không ở nhà nên H cùng cháu B nằm ngủ tại giường ở phòng khách của nhà H, sau đó H tự cởi quần áo của bản thân và quần áo của cháu B, dùng tay phải sờ vào ngực và bộ phận sinh dục của cháu B rồi đưa dương vật đã cương cứng của mình vào âm đạo của cháu B để giao cấu với cháu B. Quan hệ được khoảng 10 phút đến 15 phút, H rút dương vật ra khỏi âm đạo của cháu B và xuất tinh lên bụng cháu B. Sau đó, cả hai cùng nằm ôm nhau ngủ. Đến sáng ngày 25/12/2021, H đưa cháu B về nhà cháu ở xã L, huyện Hạ Hòa, tỉnh T.

Lần thứ tư: Vào khoảng đầu tháng 02/2022 (Hải đã chuyển về lái máy xúc tại huyện K), H nhắn tin cho cháu B qua mạng xã hội facebook và rủ cháu B xuống huyện K chơi, cháu B đồng ý. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, cháu B điều khiển xe mô tô đi cùng cháu B T C, sinh ngày 25/5/2010 (là em họ cháu B) đến đoạn đường Quốc lộ 32C thuộc xã T, huyện K. Khi đến nơi, cháu B gọi điện cho H đến đón. Sau đó, H đã điều khiển xe mô tô từ nhà ở khu H, xã X, huyện K đón cháu B và cháu Chúc xuống thị trấn K uống nước. Sau khi uống nước xong, cháu C ngồi tại quán nước còn H chở cháu B đến nhà nghỉ 999 thuộc khu Quang Trung 1, xã T, huyện K. Tại đây, H đã thuê 01 phòng nghỉ số 202 ở tầng 2 của nhà nghỉ để cả hai cùng vào nghỉ. Khi vào phòng được khoảng 05 phút, H tự cởi quần áo của bản thân và quần áo của cháu B, dùng tay xoa ngực và bộ phận sinh dục của cháu B rồi đưa dương vật đã cương cứng của mình vào âm đạo của cháu B để giao cấu với cháu B. Sau khi quan hệ được khoảng 10 phút đến 15 phút, H xuất tinh vào trong âm đạo của cháu B. Sau đó, cả hai mặc quần áo và đi về.

Các lần H và cháu B quan hệ tình dục thì cháu B đều tự nguyện, không bị ép buộc, không có lời nói, hành vi gì phản đối lại H. Trong những lần quan hệ tình dục, cháu B không bị mang thai lần nào.

Ngày 14/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã khám xét khẩn cấp nhà ở của N A T H ở khu H, xã X, huyện K. Kết quả khám xét, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã thu giữ: 01 quần bò màu xanh có cúc bằng kim loại, phía bên trong cặp quần có chữ MASCULINE, đã qua sử dụng; 01 áo nỉ dài tay có mũ màu đen phía trước ngực có chữ UNT0660, đã qua sử dụng (Hải khai nhận đây là quần áo H mặc khi quan hệ tình dục với cháu B). 01 gối bông màu đỏ, viền trắng một mặt có thêu hình hoa văn và có

dòng chữ Akosan, đã qua sử dụng; 01 gỏi bông màu đỏ, viền trắng một mặt có thêu hình hoa văn và có dòng chữ Vihomas Sky Peaceful, đã qua sử dụng, 01 ĐTDĐ nhãn hiệu Samsung màu xanh, đây là điện thoại H dùng để nhắn tin và gọi điện cho cháu B (H mượn của chị N T B, sinh năm 1983, là mẹ đẻ H).

Ngày 13/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra Quyết định trưng cầu giám định tổn thương bộ phận sinh dục của cháu N T B. Tại Bản kết luận giám định pháp y đối với trẻ em bị hoặc nghi bị xâm hại tình dục số: 02/TDTE/2023 ngày 16/01/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y tế T kết luận:

“- Tổn thương bộ phận sinh dục của cháu N T B là: Màng trinh rách cũ ở các vị trí 01 giờ, 05 giờ, 09 giờ.

- Không tìm thấy tinh trùng và xác tinh trùng trong dịch xung quanh âm hộ, âm đạo cháu N T B.

- Hiện tại cháu N T B không có thai.”

Ngày 15/01/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã ra quyết định trưng cầu giám định pháp y về tình dục của N A T H, khả năng quan hệ tình dục của N A T H. Tại Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số: 03/TD/2023 ngày 16/01/2023 của Trung tâm pháp y Sở Y tế T kết luận:

“Bộ phận sinh dục của anh N A T H phát triển B thường, không có dấu vết tổn thương. Đủ điều kiện quan hệ tình dục bằng bộ phận sinh dục khi dương vật cương cứng”.

Ngày 20/4/2023, Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã có công văn đề nghị Trung tâm y tế huyện K tiến hành xét nghiệm HIV trong máu của N A T H. Kết quả xét nghiệm: N A T H âm tính với HIV.

Tại cơ quan điều tra N A T H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của H phù hợp với lời khai của bị hại về thời gian, địa điểm diễn biến hành vi phạm tội và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên tòa đại diện cho bị hại là ông N N C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và không yêu cầu bị cáo H phải bồi thường cho cháu B khoản tiền gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT -VKSCK ngày 13/6/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo N A T H về tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ điểm a khoản 2 điều 145; Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên N A T H phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo N A T H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30/6/2023.

Giao bị cáo H cho UBND xã X, huyện K, tỉnh T để giám sát và giáo dục bị cáo

trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

[2] Về xử lý vật chứng: khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại các tài sản sau cho bị cáo: 01 quần bò màu xanh có cúc bằng kim loại, bên trong cạp quần có dòng chữ MASCULINE đã qua sử dụng; 01 gối bông màu đỏ, viền trắng mặt trên gối có thêu hình hoa văn và dòng chữ Akosan, đã qua sử dụng; 01 gối bông màu đỏ, viền trắng mặt trên gối có thêu hình hoa văn và dòng chữ Vihomas sky peacefu, đã qua sử dụng; 01 áo nỉ tay dài có mũ màu đen, trước ngực có in hình màu đỏ có dòng chữ Undertrap UNT0660, đã qua sử dụng.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chị L T T các tài sản: 01 giấy khai sinh bản chính mang tên N T B; 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 35/2018 ngày 08/3/2018 của Toà án nhân dân huyện H, tỉnh T.

- Trả lại cho chị N T B 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy màu xanh A53 5G đã cũ.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ Luật hình sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo N A T H cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho cháu N T B số tiền 50.000.000 đồng trong quá trình điều tra và gia đình của cháu N T B đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu gì thêm. Tại phiên Toà người đại diện theo pháp luật của cháu N T B là ông N N C (bố đẻ cháu B) không đề nghị bồi thường gì thêm nên cần xác nhận.

[4]. Về án phí: Bị cáo N A T H phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

*** Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích cho người bị hại:** Bà Bùi Thu Hà-Trợ Giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T trình bày (bà Hà vắng mặt tại phiên toà có đơn xin xét xử vắng mặt):

1. Về tội danh: Bản Cáo trạng số 41/2023/CT-VKSCK của Viện kiểm sát nhân dân huyện K, truy tố bị cáo H về tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự, là đúng người đúng tội. Tôi không có ý kiến gì.

2. Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo là một người trưởng thành vì vậy hoàn toàn nhận biết được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của N A T H là rất nghiêm trọng, đã xâm phạm đến sự phát triển B thường về thể chất và tâm, sinh lý của cháu B. Mặt khác tại thời điểm bị cáo H thực hiện hành vi phạm tội với cháu B khi cháu chưa đủ 16 tuổi, độ tuổi còn chưa phát triển đầy đủ về mặt tâm sinh lý và sức khỏe, nhất là sức khỏe sinh sản gây nguy hiểm cho sức khỏe của cháu B, H không chỉ thực hiện hành vi một lần mà còn thực hiện nhiều lần.

Tuy nhiên sự việc xảy ra là do H và cháu B có quan hệ yêu đương, sau khi sự việc xảy ra bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại và đại diện của bị hại và chính quyền

địa phương xã X, huyện K có đơn xin giảm hình phạt cho bị cáo H, bị cáo có tuổi đời còn rất trẻ nên đề nghị HĐXX xử, xử phạt bị cáo hình phạt là tù cho hưởng án treo cũng đủ răn đe đối với bị cáo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Do hai bên gia đình đã thỏa thuận được số tiền bồi thường nên bà không có ý kiến gì thêm.

Từ những phân tích trên, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đề nghị hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo N A T H phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi ” và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên một Bản án đúng quy định pháp luật đưa ra mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhưng cũng đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại.

Không ai có ý kiến tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của mình, bị cáo biết hành vi phạm tội của bị cáo là sai, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo trở thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng theo quy định của pháp luật.

[2]. Về đánh giá các chứng cứ buộc tội đối với bị cáo:

Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2021 đến tháng 02/2022, bị cáo N A T H đã có hành vi 05 (năm) lần quan hệ tình dục với cháu N T B, sinh ngày 13 tháng 10 năm 2008 ở khu 8, xã L, huyện H, tỉnh T, cụ thể:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 19 giờ một ngày đầu tháng 12/2021, tại ca bin máy xúc ở công trường thuộc khu 8, xã L, huyện H, H đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu B 01 (một) lần.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 1 tuần, tại phòng ngủ của nhà cháu B ở khu 8, xã L, huyện H, H đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu B 01 (một) lần.

Lần thứ ba: Vào tối ngày 24/12/2021, tại phòng ngủ của nhà H ở khu H, xã X, huyện K, H đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu B 01 (một) lần.

Lần thứ tư: Vào khoảng đầu tháng 02/2022, tại phòng nghỉ số 202 ở tầng 2 của nhà nghỉ 999 thuộc khu Quang Trung 1, xã T, huyện K, H đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu B 01 (một) lần.

Lần thứ năm: Khoảng tháng 02/2022 (cách lần thứ tư khoảng 01 đến 02 tuần), tại nhà nghỉ H thuộc xã K, huyện K, H đã có hành vi quan hệ tình dục với cháu B 01 (một) lần.

Thời điểm H quan hệ tình dục với cháu B lần đầu là tháng 12/2021, H đã trên 18 tuổi. Các lần quan hệ tình dục với H thì cháu B đều trên 13 tuổi, dưới 16 tuổi.

Cả 05 (năm) lần H và cháu B quan hệ tình dục thì cháu B đều tự nguyện, không bị ép buộc, không có lời nói, hành vi gì phản đối lại H. Trong những lần quan hệ tình dục, cháu B không bị mang thai lần nào.

Hành vi nêu trên của N A T H đã xâm phạm đến nhân phẩm, danh dự, tâm sinh lý và sự phát triển B thường cháu N T B, đồng thời gây ảnh hưởng xấu đến truyền thống văn hóa và an ninh trật tự địa phương

Lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với thời gian, địa điểm xảy ra vụ án, kết luận trung cầu giám định và các tài liệu khác có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa. Như vậy, có đủ căn cứ pháp lý kết luận bị cáo N A T H phạm tội: “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại điểm a khoản 2 điều 145 của Bộ luật hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố bị cáo N A T H về tội danh cũng như điều luật là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Tại khoản 2 Điều 145 Bộ luật hình sự quy định:

” 1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b)...”

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi giao cấu 05 lần với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi của bị cáo N A T H là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự phát triển B thường về thể chất và tinh thần của người chưa thành niên trong độ tuổi đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi được Nhà nước bảo vệ bằng pháp luật hình sự. Do đó, hành vi này cần phải được xét xử nghiêm minh. Bị cáo là thanh niên còn trẻ, có điều kiện hiểu biết xã hội nhưng thiếu hiểu biết về pháp luật chỉ vì yêu đương phát sinh tình cảm nam, nữ nên dẫn đến hành vi phạm tội.

Bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là: thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo tự thú về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo đã cùng gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả của tội phạm; Bị hại và người đại diện theo pháp luật của bị hại và UBND xã X, huyện K có đơn xin giảm

nhẹ hình phạt cho bị cáo được quy định tại điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Sau khi xem xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng nên chỉ áp dụng hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, đồng thời ấn định cho bị cáo một thời gian thử thách nhất định, cũng đủ để bị cáo cải tạo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình, xã hội và cũng thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 4 điều 145 của Bộ luật hình sự quy định: *“Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.* Xét thấy bị cáo lao động tự do, không có tài sản riêng, đang sống chung với bố mẹ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Các vật chứng: 01 quần bò màu xanh có cúc bằng kim loại, bên trong cạp quần có dòng chữ MASCULINE đã qua sử dụng; 01 gối bông màu đỏ, viền trắng mặt trên gối có thêu hình hoa văn và dòng chữ Akosan, đã qua sử dụng; 01 gối bông màu đỏ, viền trắng mặt trên gối có thêu hình hoa văn và dòng chữ Vihomas sky peacefu, đã qua sử dụng; 01 áo ni tay dài có mũ màu đen, phía trước ngực có in hình màu đỏ có dòng chữ Undertrap UNT0660, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo H, xét thấy không ảnh hưởng đến việc xử lý vụ án và thi hành án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho bị cáo H là phù hợp nên cần xác nhận.

- 01 giấy khai sinh bản chính mang tên N T B; 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 35/2018 ngày 08/3/2018 của Toà án nhân dân huyện Hà Hoà, tỉnh T, không phải là vật chứng của vụ án nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chủ sở hữu là chị L T T nên cần xác nhận.

+ 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy màu xanh A53 5G đã cũ là tài sản của bà N T B, bà B không biết H sử dụng điện thoại để liên lạc với cháu B nên cần trả lại cho bà B là phù hợp.

[7]. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ Luật hình sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bị cáo N A T H cùng gia đình đã tự nguyện bồi thường cho cháu N T B số tiền 50.000.000 đồng trong quá trình điều tra, gia đình cháu N T B đã nhận đủ số tiền trên, không yêu cầu gì thêm. Tại phiên Toà người đại diện theo pháp luật của cháu N T B là ông N N C (bố đẻ cháu B) không đề nghị bồi thường gì thêm nên cần xác nhận.

[8]. Về án phí: Bị cáo N A T H phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ điểm a khoản 2 điều 145; Điểm b, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo N A T H phạm tội “Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi”.

Xử phạt bị cáo N A T H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 (Năm) năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 30/6/2023.

Giao bị cáo H cho UBND xã X, huyện K, tỉnh T để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo H có trách nhiệm phối hợp với UBND xã X trong việc giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự 2019.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 (Hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 1, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Xác nhận cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại các tài sản sau cho bị cáo: 01 quần bò màu xanh có cúc bằng kim loại, bên trong cặp quần có dòng chữ MASCULINE đã qua sử dụng; 01 gối bông màu đỏ, viền trắng mặt trên gối có thêu hình hoa văn và dòng chữ Akosan, đã qua sử dụng; 01 gối bông màu đỏ, viền trắng mặt trên gối có thêu hình hoa văn và dòng chữ Vihomas sky peacefu, đã qua sử dụng; 01 áo ni tay dài có mũ màu đen, trước ngực có in hình màu đỏ có dòng chữ Undertrap UNT0660, đã qua sử dụng.

- Xác nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K đã trả lại cho chị L T T các tài sản: 01 giấy khai sinh bản chính mang tên N T B; 01 Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 35/2018 ngày 08/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Hà Hoà, tỉnh T.

- Trả lại cho bà N T B 01 điện thoại di động hiệu Sam sung Galaxy màu xanh A53 5G đã cũ *(Theo biên bản giao nhận vật chứng nhận vật chứng ngày 16/6/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K)*

[3] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 48 Bộ Luật hình sự; khoản 1 Điều 136 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xác nhận bị cáo N A T H đã tự nguyện bồi thường cho cháu N T B, gia đình của cháu B nhận đủ số tiền 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng), không yêu cầu bồi thường gì thêm.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Buộc bị cáo N A T H phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

[5]. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, Bị cáo, Người đại diện theo pháp luật của bị hại; Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh T đề yêu cầu xét xử phúc thẩm; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại và bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, đại diện bị hại, người LQ;
- VKSND huyện và tỉnh;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Hồ sơ công tác THAHS;
- UBND xã X;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thảo